

Quá trình du nhập và phát triển Phật giáo vùng Thuận Hóa thời chúa Nguyễn (1558-1778)

ISSN: 2734-9195 08:30 19/12/2025

Phật giáo không chỉ giúp ổn định xã hội và củng cố chính quyền, mà còn góp phần tạo lập bản sắc văn hoá - tinh thần đặc trưng cho xứ Huế.

Tác giả: **Nguyễn Thị Thanh Thuý (Pháp tự: Tuệ Hòa)**

Học viện Phật giáo Việt Nam tại Huế

Tóm tắt: Nghiên cứu này khảo sát tiến trình du nhập và phát triển Phật giáo vùng Thuận Hoá từ khi chúa Nguyễn Hoàng vào trấn thủ (1558) đến cuối thế kỷ XVIII. Phật giáo trong giai đoạn này không chỉ là một hệ tư tưởng tôn giáo, mà còn là công cụ quan trọng để các chúa Nguyễn củng cố chính quyền, đoàn kết nhân dân và tạo lập bản sắc văn hoá riêng biệt cho vùng đất Thuận Hoá. Thông qua việc phân tích bối cảnh lịch sử, vai trò của các thiền sư, sự hình thành các ngôi chùa, cũng như chính sách bảo trợ tôn giáo của các chúa Nguyễn, bài viết làm rõ ảnh hưởng lâu dài của Phật giáo đối với sự phát triển của Phật giáo Huế và Việt Nam.

Từ khóa: Phật giáo, Huế, Chúa Nguyễn, Thuận Hoá, Lâm Tế - Liễu Quán, lịch sử Phật giáo Việt Nam.

Dẫn nhập

Huế từ lâu được xem là trung tâm Phật giáo lớn của Việt Nam. Ngay từ thế kỷ XVI, dưới sự cai quản của **chúa Nguyễn Hoàng**, Thuận Hoá đã trở thành vùng đất hội tụ nhiều luồng văn hoá, tôn giáo và cư dân. Trong bối cảnh xã hội phức tạp ấy, Phật giáo đã nổi lên như một lực lượng tinh thần quan trọng, vừa phục vụ nhu cầu tâm linh, vừa hỗ trợ chúa Nguyễn ổn định trật tự xã hội. Nghiên cứu này đi sâu vào quá trình du nhập, sự phát triển và vai trò của Phật giáo Thuận Hoá trong giai đoạn chúa Nguyễn, đồng thời phân tích ảnh hưởng của giai đoạn này đối với diện mạo Phật giáo Huế sau này.



Hình minh họa chùa Từ Hiếu (ảnh: Thường Nguyên)

Trong bối cảnh Đàng Trong thế kỷ XVI-XVIII là vùng đất mới, xã hội với nhiều tộc người và tiềm ẩn nhiều bất ổn, việc lựa chọn và phát huy vai trò của một hệ tư tưởng tôn giáo mang tính dung hợp cao như Phật giáo không phải là điều ngẫu nhiên mà còn là một chiến lược tư duy vượt thời gian. Khác với Đàng Ngoài, nơi Nho giáo giữ vị trí độc tôn trong quản lý xã hội - Thuận Hóa dưới thời chúa Nguyễn đã hình thành một mô hình quản trị mềm, trong đó Phật giáo đóng vai trò trung gian điều hòa các yếu tố văn hóa, tín ngưỡng và quyền lực chính trị.

Chương 1: Bối cảnh lịch sử - xã hội và sự du nhập Phật giáo vào Thuận Hóa

Thuận Hóa nằm ở vị trí chiến lược, tiếp giáp với Chiêm Thành và Lào, thuận lợi cho giao thương đường bộ và đường biển. Khi Nguyễn Hoàng vào trấn thủ (1558), vùng đất này tập trung nhiều luồng cư dân di cư từ Bắc vào, người Chăm còn lại, người Hoa và thương nhân nước ngoài. Chính sách nhẹ thuế, khuyến khích khai khẩn và sử dụng Phật giáo làm công cụ củng cố tinh thần đã giúp Nguyễn Hoàng ổn định xã hội. Trong khi tín ngưỡng dân gian, thờ Mẫu Thiên Y A Na của người Chăm để lại. *“Theo truyền thuyết tín ngưỡng Champa thì Mẫu là Po Nagar (đọc là Pô Na gư) tức là nữ Thần Mẹ của Xứ Sở. Chính Mẫu đã tạo dựng nên đất đai, cây cối, rừng có gỗ quý, trầm hương, hồ tiêu, kỳ nam. Mẫu đã sinh ra giống lúa Chiêm và dạy dân Champa cày cấy. Mẫu sinh ra cả mặt trời, mặt trăng, ngàn sao lấp lánh, đám mây bay vờn vờ; Mẫu sinh ra cá tôm trong biển, dòng nước ngọt kỳ diệu... Mẫu có tên là Po Yan Inur Nagar taha*

tức là bà mẹ vĩ đại nhất của Xứ Sở. Cho nên tín ngưỡng, cúng lạy Mẫu là phải tín ngưỡng, cúng lạy tất cả những gì Mẫu đã sinh ra, ban phát cho người Chăm-pa. Niềm tin dị đoan sẵn có, cộng với sự lo sợ trước cảnh nước non đầy linh dị mới của một giống người khác trao lại dân Đại Việt : “Đến đây đất nước lạ lùng, con chim kêu cũng sợ, con cá nhảy vùng cũng kinh!”[1] , trong khi đó đạo Bà La Môn vẫn phổ biến, Phật giáo nhanh chóng thích ứng và dung hợp để trở thành tôn giáo chủ đạo.

Phật giáo đã hiện diện ở miền Trung từ trước qua giao thương hàng hải và ảnh hưởng của vương quốc Chăm-pa. Đến thời chúa Nguyễn, Phật giáo từ Bắc Bộ, nhất là thiền phái Trúc Lâm, và từ Trung Hoa (Lâm Tế, Tào Động) tiếp tục truyền vào.

Quá trình du nhập này tạo nên sự đa dạng tông phái, nhưng cũng khẳng định khả năng dung hợp của Phật giáo với tín ngưỡng bản địa, từ đó định hình đặc trưng Phật giáo Thuận Hoá. Có thể thấy, Phật giáo khi du nhập và phát triển tại Thuận Hóa đã không đối lập với hệ thống tín ngưỡng bản địa Chăm – Việt, mà chủ yếu dung hợp và “Phật giáo hóa” các yếu tố linh thiêng sẵn có.

Chính khả năng thích ứng này đã giúp Phật giáo nhanh chóng trở thành tôn giáo giữ vai trò trung tâm, vượt lên trên Bà La Môn giáo và tín ngưỡng dân gian, đồng thời đáp ứng nhu cầu tâm linh của cộng đồng cư dân đa nguồn gốc trong giai đoạn khai phá và định cư.

Chương 2: Vai trò của thiền sư, ngôi chùa và chính sách bảo trợ của các chúa Nguyễn



Sự phát triển Phật giáo Thuận Hoá gắn liền với công lao của nhiều thiền sư như Lục Hồ Viên Cảnh, Đại Thâm Viên Khoan. *“Hai Ngài này có thể nói là hai vị Tổ thuộc dòng Lâm Tế thiền tông Trung Hoa, đến đầu tiên ở Thuận Hóa vào khoảng những năm 1648-1650, mở đầu cho những đợt du nhập Thiền Lâm Tế và Tào Động về sau của các Ngài Giác Phong, Nguyên Thiều, Thạch Liêm... Tiểu sử hai Ngài này hiện ta không có nhiều tư liệu. Tuy nhiên, Tổ Minh Châu Hương Hải (1628-1715) trước khi xuất gia vào năm 1652 đã đến tham vấn với hai Ngài, thậm chí ta có thể nói Minh Châu Hương Hải là đệ tử của một trong hai vị Thiền sư này...”*[2], Nguyên Thiều, Thạch Liêm, Minh Hoàng Tử Dung, Liễu Quán. Họ đã dựng chùa, mở giới đàn, đào tạo tăng tài, và truyền bá thiền học. Các ngôi chùa như Thiên Mục, Quốc Ân, Thiền Lâm, Sùng Hoá vừa là trung tâm tôn giáo, vừa là điểm sinh hoạt văn hoá – xã hội, góp phần định hình diện mạo Phật giáo Huế.

Các chúa Nguyễn, đặc biệt là Nguyễn Hoàng và Nguyễn Phúc Chu, coi Phật giáo là công cụ gắn kết nhân dân và củng cố quyền lực. Họ cho xây dựng và trùng tu nhiều ngôi chùa, mời thiền sư từ Trung Hoa sang giảng dạy, mở giới đàn lớn cho tăng ni thọ giới. Chính nhờ sự bảo trợ này mà Phật giáo không chỉ phát triển trong quần chúng mà còn mang tính cung đình rõ nét, thể hiện trong kiến trúc, nghi lễ và đời sống tín ngưỡng.

“Núi Thuý Vân trước tên là núi Mỹ Am, chúa Hiên Tông dựng chùa ở đây, trải qua loạn lạc, chùa bị bỏ. Năm Minh Mạng thứ 6, Thánh Tổ Nhân Hoàng Đế ngự giá ra chơi cửa biển Tư Hiền, lên núi, cho tên là núi Thụy Hoa, nhân tìm dấu cũ mà dựng chùa, để lưu thắng tích. Năm Thiệu Trị thứ 1 đổi tên hiện nay, là một trong 20 cảnh Thần kinh, đầu đề là “Vấn Sơn thắng tích” khắc vào bia và dựng nhà bia ở phía tả cửa chùa. Gần đấy có núi Linh Thái, lại dựng chùa Trấn Hải và lầu Vọng Hải, phía tả trên núi xây một cây tháp, dưới tháp la liệt voi đá, lâu ngày đổ nát, cũng hạ lệnh tu bổ”[3].

Một đặc điểm nổi bật của Phật giáo Thuận Hóa thời chúa Nguyễn là vai trò xã hội của **tăng đoàn**. Các thiền sư không chỉ là người tu hành mà còn là: Ng ười truyền bá đạo đức, trí thức tôn giáo, nhân vật trung gian giữa chính quyền và cộng đồng. Hệ thống chùa chiền trải khắp Thuận Hóa đã hình thành một **mạng lưới xã hội - tinh thần**, góp phần truyền tải chủ trương của chính quyền, duy trì trật tự xã hội và định hướng đời sống tinh thần của dân chúng. Thông qua mạng lưới này, quyền lực của chúa Nguyễn được lan tỏa một cách mềm dẻo, ít xung đột và bền vững. Tăng đoàn và chùa chiền là cầu nối giữa quyền lực chính trị và đời sống xã hội, giúp Phật giáo tham gia trực tiếp vào tiến trình kiến tạo

trật tự xã hội Đàng Trong.

Thông qua việc bảo trợ Phật giáo, các chúa Nguyễn không chỉ tạo dựng hình ảnh một chính quyền sùng tín và nhân hòa, mà còn gián tiếp thiết lập mạng lưới ảnh hưởng xã hội rộng khắp thông qua tầng đoàn và hệ thống chùa chiền. Các thiền sư vừa là nhà tu hành, vừa là trí thức, cố vấn tinh thần cho triều đình và cộng đồng, qua đó góp phần duy trì trật tự xã hội và ổn định vùng biên viễn. Phật giáo ở Thuận Hóa không tồn tại thuần túy như một tôn giáo tín ngưỡng, mà vận hành như một thiết chế văn hóa nền tảng của xã hội Đàng Trong.

Chương 3: Tông phái, bản sắc và ảnh hưởng lâu dài của Phật giáo Thuận Hóa

Thiền phái Lâm Tế - Liễu Quán là dòng chủ đạo, kết hợp giữa Lâm Tế Trung Hoa và truyền thống bản địa, phát triển mạnh mẽ ở Huế và lan rộng vào Nam Bộ. Ngoài ra, còn có Tào Động, Chúc Thánh, Trúc Lâm, nhưng không nổi bật bằng. Phật giáo Thuận Hoá mang đậm nét cung đình trong nghệ thuật và lễ nghi, đồng thời dung hoà với tín ngưỡng dân gian, tạo nên bản sắc Phật giáo Huế riêng biệt.



Hình minh họa chùa Từ Hiếu (ảnh: Thường Nguyên)

Phật giáo Thuận Hoá đặt nền tảng cho sự phát triển của Phật giáo Huế thời nhà Nguyễn (1802-1945) và cả sau này. Sự kết hợp giữa tính cung đình và tính dân gian đã tạo nên bản sắc Phật giáo Huế. So sánh với Đàng Ngoài, nơi Nho giáo giữ vai trò chính trị, ở Đàng Trong Phật giáo lại đóng vai trò trung tâm trong đời sống. Ảnh hưởng lâu dài còn thể hiện qua việc Huế trở thành trung tâm của nhiều phong trào chấn hưng Phật giáo và các cuộc vận động yêu nước thế kỷ

XX.

Đối với chính quyền chúa Nguyễn, một chính quyền cát cứ, chưa có tính chính danh tuyệt đối như triều Lê ở Đàng Ngoài, việc dựa vào Phật giáo là một lựa chọn mang tính chiến lược. Thông qua việc bảo trợ chùa chiền, trọng dụng thiền sư, mở giới đàn và tổ chức nghi lễ Phật giáo quy mô lớn, các chúa Nguyễn đã: Xây dựng hình ảnh **chính quyền nhân hòa, sùng tín**. Thu phục lòng dân di cư và cư dân bản địa. Tạo sự ổn định xã hội trong bối cảnh biên viễn nhiều biến động. Phật giáo, vì vậy, trở thành **công cụ quyền lực mềm quan trọng**, giúp chúa Nguyễn quản lý xã hội một cách linh hoạt và hiệu quả. Sự phát triển mạnh mẽ của Phật giáo Thuận Hóa là kết quả của sự tương tác hai chiều giữa nhu cầu xã hội và chiến lược chính trị của chúa Nguyễn.

Sự khác biệt giữa Phật giáo Thuận Hóa và Phật giáo Đàng Ngoài cùng thời phản ánh hai mô hình quản trị xã hội khác nhau. Nếu ở Bắc Hà, Phật giáo chủ yếu tồn tại trong khuôn khổ tín ngưỡng dân gian dưới sự chi phối của Nho giáo, thì ở Đàng Trong, Phật giáo lại giữ vị trí trung tâm trong đời sống tinh thần và chính trị. Điều này cho thấy sự linh hoạt trong chính sách tôn giáo của chúa Nguyễn, đồng thời lý giải vì sao Huế về sau trở thành trung tâm Phật giáo lớn nhất cả nước.

Kết luận

Quá trình du nhập và phát triển Phật giáo vùng Thuận Hoá thời chúa Nguyễn là một minh chứng cho sự kết hợp chặt chẽ giữa chính trị và tôn giáo trong lịch sử Việt Nam. Phật giáo không chỉ giúp ổn định xã hội và củng cố chính quyền, mà còn góp phần tạo lập bản sắc văn hoá - tinh thần đặc trưng cho xứ Huế. Di sản Phật giáo Huế ngày nay, với sự kết hợp hài hoà giữa yếu tố cung đình và dân gian, chính là kết quả của nền móng được xây dựng từ thế kỷ XVI-XVIII. Đây cũng là cơ sở để Huế giữ vị thế trung tâm Phật giáo lớn nhất Việt Nam.

Nghiên cứu này góp phần làm rõ vai trò của Phật giáo như một nhân tố cấu thành quyền lực mềm trong tiến trình mở cõi về phương Nam của dân tộc Việt, đồng thời cung cấp cơ sở lịch sử để lý giải vị thế đặc biệt của Phật giáo Huế trong đời sống tôn giáo - văn hóa Việt Nam hiện đại.

Tác giả: **Nguyễn Thị Thanh Thúy (Pháp tự: Tuệ Hòa)**

Học viện Phật giáo Việt Nam tại Huế

Chú thích:

[1] Lịch Sử Phật Giáo Xứ Huế, Thích Hải Ấn & Hà Xuân Liêm, Nxb Văn hoá Sài Gòn, 2006, tr. 56.

[2] Lịch Sử Phật Giáo Xứ Huế, Thích Hải Ấn & Hà Xuân Liêm, Nxb Văn hoá Sài Gòn, 2006, tr. 111-112.

[3] Đại nam Nhất Thống Chí, Quốc Sử Quán Triều Nguyễn Viện Sử Học, Nxb Thuận Hoá, 2024, tr. 57.

Tài liệu tham khảo:

1] Thích Hải Ấn & Hà Xuân Liêm (2006), Lịch sử Phật giáo xứ Huế, Nxb Văn hoá Sài Gòn.

2] Đỗ Bang (chủ biên) (2021), Đàng Trong thời chúa Nguyễn - Kinh tế, Văn hoá, Xã hội, Nxb Hồng Đức

3] Phan Khoang (1967), Việt sử: Xứ Đàng Trong 1558-1777, Nhà sách Khai Trí, Sài Gòn.

4] Nguyễn Lang (2001), Việt Nam Phật giáo sử luận, Nxb Văn học, Hà Nội.

5] Quốc Sử Quán Triều Nguyễn (2001), Đại Nam Thực Lục, Nxb Giáo dục.

6] Quốc Sử Quán Triều Nguyễn (2024), Đại Nam Nhất Thống Chí, Nxb Thuận Hoá.

7] Nguyễn Minh Tường (2018), Lịch sử Việt Nam phổ thông, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật.